TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/DS-ST.
Ngày: 03 – 7 – 2018.
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Bà Trần Thúy Liễu – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "*Đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1966; cư trú tại ấp Đ, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Huỳnh C, sinh năm 1989 (*vắng mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Văn T1, sinh năm 1963 (*vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người làm chứng: Ông Phan Văn T2, sinh năm 1950; cư trú tại ấp D, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình trình bày:

Do sinh sống bằng nghề nuôi vịt chạy đồng nên vào ngày 01/8/2017 ông tìm gặp ông Hà Văn T1 trưởng ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long hỏi mua nền gạ vụ lúa thu đông tại ấp A cho vịt ăn. Ông T1 dẫn ông đến gặp anh Nguyễn Huỳnh C để trau đổi vì ông T1 đã giao việc bán nền gạ cho anh C. Qua trau đổi ông và anh C thống nhất mua bán 500 công nền gạ với số tiền 15.000.000 đồng (30.000 đồng/công). Anh C yêu cầu ông đặt cọc giao trước số tiền 5.000.000 đồng, anh C viết biên nhận nhận tiền cùng ngày.

Đến ngày 11/8/2017, anh C gọi điện thoại yêu cầu ông giao thêm số tiền 3.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền hai bên không viết biên nhận nhưng có ông Phan Văn T2 chứng kiến.

Đến ngày 16/8/2017, anh C tiếp tục gọi điện thoại yêu cầu ông giao thêm cho anh C số tiền 2.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền tại nhà ông T1, hai bên không viết biên nhận nhưng có ông T1 chứng kiến.

Sau khi bà con thu hoạch xong vụ lúa thu đông, ông mang vịt đến vị trí đất đã thỏa thuận mua bán để cho ăn thì biết anh C đã bán nền gạ cho chủ nuôi vịt khác. Nên ông yêu cầu anh C trả lại tiền cọc cho ông nhưng anh C khất hẹn không trả.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu anh C trả lại cho ông số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu hay đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 3 năm 2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn T1 trình bày:

Ông làm trưởng ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long từ năm 2015 đến nay. Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân xã P giao cho ấp tự tìm nguồn quỹ phục vụ làm đường đi, làm cống và đào kênh dẫn nước ở địa phương. Anh C là người cùng địa phương đến gặp ông đề nghị giao nền gạ cho anh C bán thì được ông đồng ý nhưng phải hỏi dân. Đồng thời, ông nói với anh C giá bán nền gạ là 20.000 đồng/công và phải giao lại tiền cho trưởng ấp quản lý. Nếu bán được giá cao hơn thì anh C được nhận hưởng số tiền chênh lệch. Tuy nhiên, từ lúc hỏi cho đến nay ông không biết anh C bán nền gạ như thế nào, bán cho ai và anh C cũng không giao lại tiền cho ấp.

Vào năm 2017, ông M đến gặp ông trình báo lại việc ông M có thỏa thuận mua nền gạ với anh C số tiền là 35.000 đồng/công. Ông trả lời ông M là việc giao dịch mua bán giữa ông M với anh C tự thỏa thuận với nhau. Đồng thời, ông có chứng kiến ông M giao cho anh C nhận số tiền 5.000.000 đồng tại nhà ông. Tuy nhiên, việc thỏa thuận mua bán nền gạ như thế nào thì ông không biết và anh C không giao lại số tiền bán nền gạ này cho ấp quản lý. Sau đó, giữa ông M và anh C xảy ra tranh chấp do anh C bán nền gạ cho chủ nuôi vịt khác.

Tại tờ xác nhận đề ngày 24 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, người làm chứng ông Phan Văn T2 trình bày:

Vào ngày 11/8/2017, trong lúc ông và ông M uống rượu tại quán chị T3 thuộc khu vực ấp Y, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long thì anh C đi đến kêu ông M

đưa thêm số tiền 3.000.000 đồng mua nền gạ nuôi vịt chạy đồng. Ông trực tiếp nhìn thấy ông M đưa cho anh C nhận số tiền 3.000.000 đồng đúng như lời trình bày của ông M.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Anh C, ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do. Anh C không giao nộp văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của ông M cũng như giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh C, ông T1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông M trình bày do không chứng minh được việc giao cho anh C nhận số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 16/8/2017. Nên ông tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đòi anh C trả lại số tiền 2.000.000 đồng. Ông yêu cầu anh C trả lại cho ông số tiền 8.000.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, đưa người tham gia tố tụng trong vụ án đầy đủ, thực hiện thu thập tài liệu, chứng cứ, đánh giá chứng cứ, công bố và sử dụng chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân về việc xét xử sơ thẩm vụ án, thủ tục khai mạc phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa, công bố các tài liệu, chứng cứ của vụ án tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng hoạt động tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng ông M và ông T2 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; anh C và ông T1 chưa thực hiện theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng xem như từ bỏ quyền lợi trong vụ kiện.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của ông C và ông T tại phiên tòa. Đã đủ cơ sở kết luận vào ngày 01/8/2017 giữa ông M với anh C thỏa thuận giao dịch mua bán nền gạ nuôi vịt chạy đồng có đặt cọc đưa trước một khoản tiền phù hợp với quy định tại Điều 328 của Bộ luật dân sự. Số tiền ông M đặt cọc đưa cho anh C nhận 02 lần vào ngày 01/8/2017 và ngày 11/8/2017 tổng cộng là 8.000.000 đồng (BL: 23, 30 – 31, 37). Ông M không chứng minh được việc đưa thêm cho anh C nhận số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 16/8/2017. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M tự nguyện rút lại một phần yêu

cầu khởi kiện đòi anh C trả lại số tiền 2.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc anh C trả lại ông M số tiền 8.000.000 đồng; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu số tiền 2.000.000 đồng ông M đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung khởi kiện và lời trình bày của ông Nguyễn Văn M, ông Hà Văn T1, ông Phan Văn T2 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp đòi lại tài sản là tiền đặt cọc mua nền gạ nuôi vịt chạy đồng. Thuộc loại vụ việc tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Xét tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Huỳnh C là bị đơn, ông Hà Văn T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh C và ông T1 theo thủ tục chung.

[3]. *Về yêu cầu khởi kiện*:

[4]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa cùng ý kiến của Kiểm sát viên. Đủ cơ sở kết luận vào ngày 01/8/2017 giữa ông M với anh C thỏa thuận giao kết hợp đồng mua bán nền gạ nuôi vịt chạy đồng. Để bảo đảm giao kết thực hiện hợp đồng, ông M đặt cọc đưa cho anh C nhận 02 lần, lần thứ nhất ngày 01/8/2017 nhận số tiền 5.000.000 đồng (BL: 23, 30 – 31), lần thứ hai ngày 11/8/2017 nhận số tiền 3.000.000 đồng (BL: 37). Tại Điều 328 của Bộ luật dân sự quy định: "*Đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận cọc) một khoản tiền…(sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời gian để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng. Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thoả thuận khác*". Tại khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự quy định: "*Chủ sở hữu…tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*". Xét thấy anh C là người không thực hiệc hợp đồng mua bán nền gạ đã giao kết nên anh C phải có trách nhiệm hoàn trả lại tiền đặt cọc cho ông M. Lẽ

ra, ngoài việc trả lại tiền đặt cọc thì anh C còn phải thêm khoảng tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc; tuy nhiên ông M không yêu cầu là có lợi cho anh C được Tòa án ghi nhận. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M đòi anh C trả lại số tiền cọc 8.000.000 đồng.

[5]. Kể từ ngày người được thi hành án ông M có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 8.000.000 đồng thì người phải thi hành án anh C còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[6]. Riêng số tiền 2.000.000 đồng, ông M cho rằng giao thêm tiền đặt cọc cho anh C nhận ngày 16/8/2017 nhưng ông không chứng minh được. Xét tại phiên tòa sơ thẩm, ông M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông M đòi anh C trả lại số tiền này.

[7]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án. Xét yêu cầu khởi kiện của ông M được chấp nhận số tiền 8.000.000 đồng nên anh C phải chịu án phí số tiền là 400.000 đồng. Do ông M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 2.000.000 đồng được Tòa án chấp nhận đình chỉ xét xử nên ông M và anh C không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông M được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M:

1.1. Buộc anh Nguyễn Huỳnh C trả lại cho ông Nguyễn Văn M số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án ông Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng thì người phải thi hành án anh Nguyễn Huỳnh C còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất được

quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn M đòi anh Nguyễn Huỳnh C trả lại số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng mà ông M đã rút.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc anh Nguyễn Huỳnh C phải nộp án phí số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

2.2. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn M được nhận lại số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0010533 ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt ông Nguyễn Văn M là nguyên đơn. Vắng mặt anh Nguyễn Huỳnh C là bị đơn, ông Hà Văn T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho ông M có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh C và ông T1 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ + NLQ: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Cao Minh Tân